

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

## BẢO CẢO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHỖ CHINH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BẢO CẢO TẠI CHỖ CHINH - HỢP NHẤT

Mang tri thức phục vụ khách hàng



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 - 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)

MỤC LỤC

Nội dung		Trang
1.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 06
2.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	07 - 08
3.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	09 - 10
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	12
6.	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	13 - 37
7.	Phụ lục số 1 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	38 - 39

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 Công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét của Tập đoàn.

### 1. Khai quát về Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngăn, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819

- Fax : + 84 (28) 38 963 210

- Mã số thuế : 0301444626

#### • Thông tin về chi nhánh

1. Trám xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;

2. Trám xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;

3. Trám xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;

4. Trám xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đông, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;

5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;

6. Trám xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bên Dò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;

7. Trám xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;

8. Trám xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngăn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;

9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Văn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;

10. Trám xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;

11. Trám xăng dầu số 1 tại 744 Kha Văn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

CP.M.S.D.N

12. Trám xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trám xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trám xăng dầu Bình Thới tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Văn Căn, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trám xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Văn Căn, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Văn Căn, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trám xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyển, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trám xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trám rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hôn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Văn Căn, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe cộ động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

**4. Công ty con**

Tổng số công ty con: 01 công ty.  
 Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

**Các Công ty con bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền	Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt	38 Đường Văn Bì, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

**5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**5.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	11/05/2016	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2013	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	25/11/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Thành viên	25/11/2016	-
<b>5.2 Ban kiểm soát</b>			
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	-
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	-

**5.3 Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kê toán trưởng	15/04/2016	-

3.31. CH N 1 TO HU 5-7

**6. Đại diện pháp luật**  
Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/7/2015	

**7. Danh giá tình hình hoạt động**  
Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 39.

**8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiêp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tập đoàn. Ban điều hành của Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yêu cầu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiệt lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**II. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



MA ĐỨC TỬ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

11/01/2017

## BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH HỢP NHẬT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 07 năm 2017, từ trang 09 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ định kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHKH kiểm toán số 0851-2013-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Ma số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẪN HẠN</b>		138.182.246.986	184.276.062.485
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	58.178.343.947	16.910.139.232
111	1. Tiền		58.178.343.947	16.910.139.232
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	11.571.451.729	11.126.514.998
121	1. Chứng khoán kinh doanh		20.596.932.275	22.753.592.764
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.025.480.546)	(11.627.077.766)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.332.211.220	15.803.399.259
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	17.768.101.204	14.085.372.484
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.398.903.300	1.374.221.795
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	4.165.206.716	343.804.980
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	43.732.937.596	133.091.566.709
141	1. Hàng tồn kho		43.815.682.992	133.174.312.105
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(82.745.396)	(82.745.396)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		367.302.494	7.344.442.287
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		363.759.012	42.400.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.543.482	7.302.042.287
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		177.175.582.803	170.463.151.362
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		142.788.057.545	144.367.490.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	66.434.426.510	67.072.552.324
222	- Nguyên giá		131.334.208.967	127.719.984.422
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.899.782.457)	(60.647.432.098)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	76.353.631.035	77.294.938.401
228	- Nguyên giá		89.703.039.803	89.703.039.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.349.408.768)	(12.408.101.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	8.668.001.660	8.911.029.746
231	- Nguyên giá		13.127.813.323	13.127.813.323
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.459.811.663)	(4.216.783.577)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.10	24.429.573.447	15.529.135.810
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.429.573.447	15.529.135.810
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	90.000.000	90.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.199.950.151	1.565.495.081
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		456.697.355	793.584.743
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.11	628.312.745	646.975.505
269	4. Lợi thế thương mại		114.940.051	124.934.833
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		315.357.829.789	354.739.213.847

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	3	4	5
		Số cuối kỳ			Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		127.961.441.422	114.205.065.804	166.375.564.868
310	I. Nợ ngắn hạn				151.541.952.460
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		45.330.085.160	30.319.912.372	69.649.142.938
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		30.319.912.372	30.319.912.372	10.517.336.725
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.356.277.742	5.356.277.742	1.370.360.668
314	4. Phải trả người lao động		22.567.813.481	22.567.813.481	18.620.332.843
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.481.108.632	1.481.108.632	1.106.558.771
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		4.381.363.596	4.381.363.596	6.031.256.985
320	8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn		-	-	41.950.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.768.504.821	4.768.504.821	2.296.963.530
330	II. Nợ dài hạn		13.756.375.618	13.756.375.618	14.833.612.408
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		4.668.026.132	4.668.026.132	5.745.262.922
337	5. Phải trả dài hạn khác	V.15b	7.771.349.486	7.771.349.486	7.771.349.486
338	6. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn		-	-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn	V.17	1.317.000.000	1.317.000.000	1.317.000.000
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.396.388.367	187.396.388.367	188.363.648.979
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	187.396.388.367	187.396.388.367	188.363.648.979
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		24.059.932.101	24.059.932.101	19.820.641.422
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.366.323.275	11.366.323.275	16.563.766.563
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.900.341.412	4.900.341.412	6.008.845.023
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.465.981.863	6.465.981.863	10.554.921.540
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		512.011.895	512.011.895	521.119.898
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		315.357.829.789	315.357.829.789	354.739.213.847

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.

Giám Đốc

  
  
 HOÀNG ĐÌNH SƠN

Kế toán trưởng

  
 VIÊN THIÊN KHANH

Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thu Hương

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2017	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.061.924.931.808	924.847.020.997
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.061.924.931.808	924.847.020.997
11	4. Giá vốn hàng bán		986.950.111.918	859.107.584.580
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	74.974.819.890	65.739.436.417
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.489.136.758	2.815.354.699
22	7. Chi phí tài chính		(1.408.155.647)	1.653.988.670
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		146.085.417	149.765.133
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	45.784.334.266	36.828.713.504
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.717.050.276	19.270.884.302
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.370.727.753	10.801.204.640
31	12. Thu nhập khác		362.747.244	308.289.036
32	13. Chi phí khác		85.086.917	382.472.552
40	14. Lợi nhuận khác		277.660.327	(74.183.516)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.648.388.080	10.727.021.124
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.528.219.608	2.000.861.566
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.120.168.472	8.726.159.558
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		10.108.156.577	8.719.401.330
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		12.011.895	6.758.228
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	644	633
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		644	633

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Trang*

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gian tiếp)  
 Cho giải đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2017	Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2016
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		12.648.388.080	10.727.021.124
	1. Lợi nhuận trước thuế		4.414.870.361	5.190.472.980
	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.436.685.811	5.338.210.361
	- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư		(2.601.597.220)	320.298.938
	- Các khoản dự phòng		-	-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		-	-
	- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(206.903.619)	(617.801.452)
	- Chi phí lãi vay		146.085.417	149.765.133
	- Các khoản điều chỉnh khác		1.640.599.972	-
07			17.063.258.441	15.917.494.104
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.211.647.651)	(7.892.644.964)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		89.358.629.113	(16.275.551.068)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		629.350.770	6.047.318.391
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15.528.376	394.216.389
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.156.660.489	1.422.590.778
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		15.288.376	394.216.389
14	- Tiền lãi vay đã trả		(171.535.556)	(149.765.133)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.138.202.474)	(2.069.772.915)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		666.625.409	7.865.079.574
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(250.000.000)	(6.933.104.010)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		106.118.666.917	(1.674.138.854)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.934.224.545)	(3.909.657.416)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		176.936.136	1.122.122.353
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.757.288.409)	(2.787.535.063)
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		77.000.000.000	105.008.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(118.950.000.000)	(107.584.911.714)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.143.173.793)	(8.680.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.093.173.793)	(11.256.911.714)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		41.268.204.715	(15.718.585.631)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.910.139.232	30.102.572.492
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		58.178.343.947	14.383.986.861

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.

HOANG DINH SON  
 Giám Đốc

VIÊN THIÊN KHANH  
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

## BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt (sau đây gọi là "Tập đoàn").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong kỳ.

#### 6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 1 công ty.  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

#### Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền	Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt	38 Đường Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%
nhân viên.					

7. Nhân viên  
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 370 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 376 nhân viên.

121  
06  
NH  
04  
VA  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**II. NĂM TẠI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2017.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không năm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị số kê toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo

317  
G T  
EMH  
IVA  
N V  
HC

Tăng, giảm số dư phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá trị tương đương hơp giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.
  - Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thì trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày trao đổi.
  - Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sản phẩm không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày trao đổi.
- Cổ phiếu hoàn đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

Phần chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán theo qui định của pháp luật.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu
  - Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh công các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Khấu hao đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

5-C  
Y  
TU  
V  
M  
E  
C



**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**  
Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giá trị của chính khoản đầu tư đó. Có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Có tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:  
• Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.  
• Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn khác ngoài cổ phiếu được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ứ thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6.**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**7.**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**8.**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu tiến hành khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi. Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm  
15 - 25

Nhà

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.  
Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải tỏa phóng mát băng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phân ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tại sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lại

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được

**14. Phân phối lợi nhuận**

**Thăng dư vốn cổ phần**  
Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phần khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị sổ sách của cổ phần quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Vốn góp của chủ sở hữu**

**13. Vốn chủ sở hữu**

- Phải trả khác phần ảnh các khoản phải trả không có tính thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả khác phần ảnh các khoản phải trả không có tính thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Chi phí phải trả phần ảnh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả người bán phần ảnh các khoản phải trả mang tính chất thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Hiện theo nguyên tắc sau:

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực

hiện theo nguyên tắc sau:  
Về số tiền phải trả.  
đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý  
Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan  
12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

- Các khoản chi phí phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản nợ phải trả Công ty phải gánh chịu.
- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.

kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động  
**Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát**

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên số kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mức đích sử dụng.

không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ,



do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lại do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Có thể được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### Có tức và lợi nhuận được chia

Có tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận có tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Có tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh và đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### 17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ khoản kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác

312  
CỔ  
HÀNH  
TỔA  
TƯ

18. **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**  
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. **Chi phí đi vay**  
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mức đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lãi kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoài trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong ngày xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi: khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu. Hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các cơ sở tính thuế thu nhập hoãn lại được tính toán dựa trên các mức thuế suất sẽ áp dụng cho năm tài sản tiếp theo hỏi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất của năm tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính.

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yêu cầu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
479.350.668	3.537.493.425
57.536.213.279	13.157.515.807
162.780.000	215.130.000
-	-
<b>58.178.343.947</b>	<b>16.910.139.232</b>

- Tiền mặt

- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

- Tiền đang chuyển

- Các khoản tương đương tiền

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5  
 T.Y  
 THU  
 T. TU  
 VIỆ  
 5

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Số cuối kỳ	
					Giá trị hợp lý	Dự phòng
						Cổ phiếu
-	1.076.032.115	-	1.076.032.115	1.076.032.115	1.076.032.115	- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)
-	1.096.500.000	-	1.096.500.000	1.096.500.000	1.096.500.000	- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)
-	3.335.698.098	4.932.925.254	1.431.432.000	3.335.698.098	1.923.950.000	- Công ty CP Thép Pomina (POM)
412.634.250	1.975.220.000	1.975.220.000	602.577.000	1.975.220.000	1.975.220.000	- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)
(427.986.087)	250.040.000	678.026.087	230.300.001	250.040.000	230.300.001	- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)
(560.000.000)	1.460.000.000	2.020.000.000	1.402.500.000	1.460.000.000	1.402.500.000	- Công ty CP Thép Việt Nam (TVN)
(541.346.631)	70.000.000	611.346.631	69.999.999	70.000.000	69.999.999	- Công ty CP Lương thực Vinh (Long (i))
(274.343.333)	153.790.000	428.133.333	-	153.790.000	-	- Công ty CP Thép Biên Hòa (i)
-	677.500.000	677.500.000	677.500.000	677.500.000	677.500.000	- Công ty CP Dệt Việt Thành (i)
(897.500.000)	897.500.000	897.500.000	-	897.500.000	-	- Công ty CP Dệt Đông A (i)
(339.000.000)	339.000.000	339.000.000	-	339.000.000	-	- Công ty CP XNK Vĩnh Long (i)
-	423.000.000	423.000.000	423.000.000	423.000.000	423.000.000	- Công ty CP Dệt Gia Dung (i)
-	423.000.000	423.000.000	423.000.000	423.000.000	423.000.000	- Công ty CP Dệt Vải Phong Phú (i)
(3.522.822.711)	663.548.289	4.186.371.000	4.186.371.000	663.548.289	4.186.371.000	- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Dầu từ Petec (i)
-	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	- Công ty CP Pvoil Sài Gòn (i)
20.596.932.275	11.571.451.729	(9.025.480.546)	22.753.592.764	11.708.694.539	11.627.077.766	<b>Cộng</b>

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

**Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:**

- Cổ phiếu Công ty CP Thép Povina giảm do bán bớt 57.220 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 1.597.227.156 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Nam giảm do bán hết 13.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 131.300.000 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Biên Hòa giảm do bán bớt 16.900 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 428.133.333 đồng.

*Trình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:*

Số đầu năm	Số cuối kỳ
Trích lập dự phòng bổ sung	Hoàn nhập dự phòng
11.627.077.766	2.601.597.220
(12.009.456.947)	(12.421.665.080)
6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Hàng tồn kho**

Số đầu năm	Số cuối kỳ
Gia gốc	Gia gốc
Dự phòng	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048
- Công cụ, dụng cụ	109.500.000
- Hàng hóa (*)	43.573.937.944 (82.745.396)
<b>Cộng</b>	<b>43.815.682.992 (82.745.396)</b>
133.174.312.105 (82.745.396)	133.042.067.057 (82.745.396)

(\*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, hàng hóa điện máy gia dụng.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
Nguyên giá	20.085.129.004	16.777.649.708	791.546.794	127.719.984.422
Số đầu năm	288.684.000	-	-	288.684.000
Mua trong kỳ	2.124.584.545	-	-	3.325.540.545
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	21.574.769.004	16.777.649.708	791.546.794	131.334.208.967
Trong đó:	7.433.062.363	3.627.801.596	427.097.703	27.732.501.593
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.244.539.931	3.627.801.596	427.097.703	27.732.501.593
Giá trị hao mòn	35.820.724.914	9.450.062.426	644.565.969	60.647.432.098
Số đầu năm	2.136.498.585	862.032.420	41.346.966	4.252.350.359
Khấu hao trong kỳ	14.732.078.789	9.450.062.426	644.565.969	60.647.432.098
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	15.944.551.177	10.312.094.846	685.912.935	64.899.782.457
Giá trị còn lại	54.244.934.002	7.327.587.282	146.980.825	67.072.552.324
Số đầu năm	5.353.050.215	7.327.587.282	146.980.825	67.072.552.324
Số cuối kỳ	5.630.217.827	6.465.554.862	105.633.859	66.434.426.510

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá	20.118.319.636	346.620.000	89.703.039.803
Số đầu năm	20.118.319.636	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	20.118.319.636	346.620.000	89.703.039.803
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	169.200.000		169.200.000
Giá trị hao mòn	12.100.908.078	307.193.324	12.408.101.402
Số đầu năm	-	29.569.998	941.307.366
Khấu hao trong kỳ	911.737.368	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	13.012.645.446	336.763.322	13.349.408.768
Giá trị còn lại	20.118.319.636	39.426.676	77.294.938.401
Số đầu năm	20.118.319.636	39.426.676	77.294.938.401
Số cuối kỳ	20.118.319.636	9.856.678	76.353.631.035

9. Bất động sản đầu tư

9a. Bất động sản đầu tư cho thuê

Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá	13.127.813.323
Số đầu năm	13.127.813.323
Mua mới	-
Thanh lý, nhượng bán	-
Số cuối kỳ	13.127.813.323
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	976.409.097
Giá trị hao mòn	4.216.783.577
Số đầu năm	4.216.783.577
Khấu hao trong kỳ	243.028.086
Thanh lý, nhượng bán	-
Số cuối kỳ	4.459.811.663
Giá trị còn lại	8.911.029.746
Số đầu năm	8.911.029.746
Số cuối kỳ	8.668.001.660

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác

(1) Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Công	628.312.745	646.975.505
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup>	628.312.745	646.975.505
Số đầu năm		
Số cuối kỳ		

11. Tài sản dài hạn khác

(1) Dự án này có chủ trương nhượng bán theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-TMC-HĐQT ngày 20/01/2016.

Công	15.529.135.810	14.401.236.364	5.500.798.727	24.429.573.447
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 12	381.818.182	-	381.818.182	-
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 5	2.492.584.545	-	2.492.584.545	-
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 18	-	1.081.236.364	-	1.081.236.364
- Trang thiết bị nhà bếp 746	770.295.000	-	-	770.295.000
- Chung cư 27 đường số 9, Linh Xuân <sup>(1)</sup>	1.624.353.483	13.320.000.000	-	14.944.353.483
<b>đang</b>				
<b>Xây dựng cơ bản dở</b>	<b>5.269.051.210</b>	<b>14.401.236.364</b>	<b>2.874.402.727</b>	<b>16.795.884.847</b>
cửa hàng XD	-	-	-	-
- Thiết bị vật tư cho các	1.793.440.000	-	1.793.440.000	-
- Màn hình Led	832.956.000	-	832.956.000	-
- Đồ dùng nhà bếp 746	632.190.000	-	-	632.190.000
Nhon Phú	-	-	-	-
- Trám xăng dầu Tăng	7.001.498.600	-	-	7.001.498.600
<b>định</b>				
<b>Mua sắm tài sản cố</b>	<b>10.260.084.600</b>	<b>-</b>	<b>2.626.396.000</b>	<b>7.633.688.600</b>
Số đầu năm				
Số đầu năm				
Chi phí phát sinh trong kỳ				
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ				
Số cuối kỳ				

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công	13.127.813.323	4.459.811.663	8.668.001.660
- Cửa hàng 2/9 chợ Bà Chiểu	51.837.500	51.837.500	-
- Kho 60/6 Trường Trè	924.571.597	924.571.597	-
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	3.483.402.566	8.668.001.660
Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:			
Nguyên giá			
Hao mòn lũy kế			
Giá trị còn lại			

định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

031  
C  
C  
M T C  
M T C

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kê toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tại sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
31.522.840.000	31.522.840.000	26.268.601.000	26.268.601.000
Phải trả các bên liên quan			
-	31.522.840.000	-	26.268.601.000
- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn			
Phải trả các nhà cung cấp khác			
1.295.169.185	1.295.169.185	1.239.783.037	43.380.541.938
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam			
1.091.659.744	1.091.659.744	954.648.125	954.648.125
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM			
775.285.477	775.285.477	766.777.887	766.777.887
- Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh, Điện máy Việt Úc			
10.645.130.754	10.645.130.754	40.419.332.889	40.419.332.889
- Khác			
45.330.085.160	45.330.085.160	69.649.142.938	69.649.142.938

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
30.319.912.372	30.319.912.372	10.517.336.725	10.517.336.725
Phải trả các bên liên quan			
-	-	-	-
Phải trả trước của các khách hàng khác			
1.342.480.000	1.342.480.000	-	-
- Công ty TNHH Toàn Việt			
199.875.548	199.875.548	301.152.971	301.152.971
- Trám xăng dầu Bình Thợ			
154.271.559	154.271.559	383.375.697	383.375.697
- Công ty TNHH Trám Xăng dầu An Phước 2			
957.556.824	957.556.824	2.332.808.057	2.332.808.057
- Khác			
30.319.912.372	30.319.912.372	10.517.336.725	10.517.336.725

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
35.566.875	-	8.537.504.098 (4.747.952.417)	3.825.118.556	-	-
- Thuế GTGT hàng bán nội địa					
1.070.150.158	-	2.573.186.967 (2.138.202.474)	1.505.134.651	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (1)					
264.643.635	-	1.485.458.358 (1.724.077.458)	26.024.535	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân					
-	-	36.500.000 (36.500.000)	-	-	-
- Thuế môn bài					
-	-	996.934.402 (996.934.402)	-	-	-
- Thuế nhà đất và thuế khác					
1.370.360.668	-	13.629.583.825 (9.643.666.751)	5.356.277.742	-	-

6 tháng đầu 2017

12.648.388,080

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán  
 để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh  
 nghiệp:

1.947.262,771

1.855.441,989

81.826,000

9.994,782

(99.110,850)

(99.110,850)

14.496,540,001

1.630,605,189

- Các khoản điều chỉnh tăng  
 + Lợi trước thuế chia cho bên liên doanh  
 + Chi phí không hợp lý, hợp lệ  
 + Lợi thế thương mại  
 - Các khoản điều chỉnh giảm  
 + Có từ nhận được  
 Thu nhập chịu thuế  
 Thu nhập được miễn thuế do bên liên doanh nộp hộ  
 Lỗ các năm trước được chuyển

12.865,934,812

20%

2.573.186,967

(44.967,359)

2.528.219,608

-

2.528.219,608

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành<sup>(2)</sup>  
 năm trước  
 Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các  
 năm trước

Chênh lệch giữa thu nhập doanh nghiệp phải nộp<sup>(1)</sup> và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện  
 hành<sup>(2)</sup> là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty nộp hộ cho bên hợp tác liên doanh tương  
 ứng 44.967,359 đồng.

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

Số cuối kỳ

4.381.363,596

3.758.185,806

540.985,004

82.192,786

4.381.363,596

6.031.256,985

1.425.779,430

836.477,549

3.769.000,006

6.031.256,985

Số đầu năm

6.031.256,985

Phải trả các bên liên quan

- Nhân kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

15b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

- Công ty TNHH TM và DT Sông Tiên<sup>(1)</sup>

- Vốn góp của Liên doanh Long Bình<sup>(2)</sup>

Cộng

Số cuối kỳ

7.771.349,486

7.700.000,000

71.349,486

7.771.349,486

Số đầu năm

7.771.349,486

7.700.000,000

71.349,486

7.771.349,486

7.771.349,486

(1) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiền theo Hợp đồng kinh tế số 540/HĐLK-KD ngày 18/12/2015, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh kèm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiền là 50%.

(2) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nguyễn theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh kèm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nguyễn là 28,5%.

**16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	-
4.668.026.132	5.745.262.922
4.668.026.132	5.745.262.922
4.668.026.132	5.745.262.922
4.668.026.132	5.745.262.922

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các

bên liên quan

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ

chức và cá nhân khác

- Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về

cho thuê bất động sản đầu tư

Công

**17. Dự phòng phải trả dài hạn**

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bởi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016.

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn cổ phần thường TỶ lệ (%)	Vốn cổ phần thường TỶ lệ (%)
63.257.300.000	63.257.300.000
51.01	51.01
- Tổng Công ty đầu Việt Nam	- Công ty TNHH MTV (PVOIL)
18.471.600.000	18.471.600.000
14,90	14,90
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh
42.271.100.000	42.271.100.000
34,09	34,09
- Vốn góp của các đối tượng khác	- Vốn góp của các đối tượng khác
124.000.000.000	124.000.000.000
100,00	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
124.000.000.000	124.000.000.000	-
124.000.000.000	124.000.000.000	-
124.000.000.000	124.000.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Kỳ trước	Kỳ này	
124.000.000.000	124.000.000.000	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
-	-	+ Vốn góp đầu năm
-	-	+ Vốn góp tăng trong kỳ
-	-	+ Vốn góp giảm trong kỳ
124.000.000.000	124.000.000.000	+ Vốn góp cuối kỳ
8.680.000.000	6.200.000.000	- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

**18d. Cổ phiếu**

Số đầu năm	Số cuối kỳ	
12.400.000	12.400.000	Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành
12.400.000	12.400.000	Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng
-	-	Cổ phiếu phổ thông
-	-	Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)
12.400.000	12.400.000	Số lượng cổ phiếu được mua lại
-	-	Cổ phiếu phổ thông
-	-	Cổ phiếu ưu đãi
12.400.000	12.400.000	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
12.400.000	12.400.000	Cổ phiếu phổ thông
12.400.000	12.400.000	Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**18e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chi sâu của Công ty.

**18f. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 chính 2016 ngày 25/03/2017 và Nghị quyết số 09/NQ-TM-C-HDQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20/04/2017 như sau:

Công	
•	Trích quỹ thường Ban điều hành
•	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
•	Trích quỹ đầu tư phát triển
•	Chia cổ tức cho các cổ đông
250.000.000	:
4.621.860.291	:
4.239.290.679	:
6.200.000.000	:
15.311.150.970	:





**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT**

**1. QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	Từ tháng 01 đến 06 năm 2017
919.213.741,479	1.049.933.616,935
753.120.085,375	902.061.147,168
60.597.549,980	57.737.012,989
10.684.012,439	18.601.419,746
94.596.468,637	71.413.677,940
215.625,048	120.359,092
1.353.481,827	3.318.420,004
4.279.797,691	8.672.894,869
924.847.020,997	1.061.924.931,808

- Doanh thu bán hàng hóa  
+Doanh thu bán xăng dầu  
+Doanh thu bán xe máy  
+Doanh thu bán sắt thép  
+Điện máy, điện tử gia dụng  
+Doanh thu bán gas  
- Doanh thu dịch vụ  
+Doanh thu dịch vụ tiện cưỡi  
- Doanh thu cho thuê mặt bằng

2. Giá vốn hàng bán

Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	Từ tháng 01 đến 06 năm 2017
857.942.974,194	981.615.931,494
712.814.317,299	853.973.488,907
52.776.245,319	49.232.474,315
9.658.166,632	17.161.102,368
82.482.755,206	61.131.172,692
211.489,738	117.693,212
586.298,040	1.109.295,525
586.298,040	1.109.295,525
578.312,346	4.224.884,899
859.107.584,580	986.950.111,918

- Giá vốn của hàng hóa đã bán  
+Giá vốn bán xăng dầu  
+Giá vốn bán xe máy  
+Giá vốn bán sắt thép  
+ Điện máy, điện gia dụng  
+ Giá vốn bán gas  
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp  
+ Giá vốn dịch vụ tiện cưỡi  
- Chi phí kinh doanh cho thuê mặt bằng

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	Từ tháng 01 đến 06 năm 2017
154.284,853	295.935,063
967.837,500	99.110,850
1.693.232,346	1.094.090,845
2.815.354,699	1.489.136,758

- Lãi tiền gửi  
- Cổ tức lợi nhuận được chia  
- Thu nhập khác

4. Chi phí tài chính

Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	Từ tháng 01 đến 06 năm 2017
149.765,133	146.085,417
1.092.015,404	1.047.356,156
412.208,133	-
1.653.988,670	(1.408.155,647)

- Lãi tiền vay  
- Chi phí tài chính khác  
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn  
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn

5. Chi phí bán hàng	
Chi phí nhân viên	30.152.692,087
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	4.332.670,237
Chi phí khấu hao	4.870.968,431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.011.006,514
Chi phí khác	1.416.996,997
<b>Cộng</b>	<b>45.784.334,266</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.784.334,266
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>45.784.334,266</b>
Chi phí nhân viên	13.614.872,168
Chi phí vật liệu quản lý	355.088,176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.781,838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.594.538,905
Chi phí khác	1.825.774,407
Phân bổ lợi thế thương mại	9.994,782
<b>Cộng</b>	<b>19.717.050,276</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.120.168,472
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(12.011,895)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(1)</sup>	(2.125.235,379)
Lợi nhuận tính lại cơ bản trên cổ phiếu	7.982.921,198
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>644</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.726.159,558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	633
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.726.159,558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	633

(1) Được tạm xác định bằng 10% (Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp - lợi ích cổ đông không kiểm soát) tương đương theo năm 2016.

KẾ TOÁN M.S.D.N

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	
Từ tháng 01 đến 06 năm 2017	10.120.168.472
Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	8.726.159.558
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
-	Lợi nhuận chia cho bên liên doanh
-	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
-	Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu
-	Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ
	Lãi suy giảm trên cổ phiếu
Từ tháng 01 đến 06 năm 2017	644
Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	633
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
- Chi phí nhân công	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	
- Lợi thế thương mại	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	
- Chi phí khác	
Cộng	
Từ tháng 01 đến 06 năm 2017	65.501.384.542
Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	56.099.597.806
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	
1. Tiền thu từ đi vay	
- Tiền thu từ đi vay theo kế hoạch thường	
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	
Từ tháng 01 đến 06 năm 2017	77.000.000.000
Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	105.008.000.000
2. Tiền chi từ đi vay	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế hoạch thường	
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	
Từ tháng 01 đến 06 năm 2017	(118.950.000.000)
Từ tháng 01 đến 06 năm 2016	(107.584.911.714)

030  
 TRAC  
 IEM  
 CH

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong 6 tháng đầu năm 2017

Số tiền	Số tiền
1.682.761.000	2.712.974.500
293.500.000	197.927.000
63.736.000	56.494.000
2.039.997.000	2.967.395.500

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)

Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)

- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)

Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)

Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng

363.219.315.454

388.289.544.554

Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng

-

14.428.454.546

- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)

358.988.367.274

Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng

401.294.388.644

6 tháng đầu năm 2016

- Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

12.052.050.000

Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng

26.831.800.000

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2016

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2016

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2016

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2016

6 tháng đầu năm 2017

6 tháng đầu năm 2016

6 tháng đầu năm 2017

Mối quan hệ

Công

Khác

Thường, thù lao

Lương

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

Số tiền

TP. HỒ CHÍ MINH  
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM  
312

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Báo cáo bộ phận**

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2017

Chi tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gia vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lai gộp
Xăng dầu	902.061.147.168	853.973.488.907	48.087.658.261	5,33%
Xe máy	57.737.012.989	49.232.474.315	8.504.538.674	14,73%
Hàng hóa điện máy	71.413.677.940	61.131.172.692	10.282.505.248	14,40%
Sắt thép và bách hóa	18.601.419.746	17.161.102.368	1.440.317.378	7,74%
Gas	120.359.092	117.693.212	2.665.880	2,21%
Dịch vụ tiệc cưới	3.318.420.004	1.109.295.525	2.209.124.479	66,57%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	8.672.894.869	4.224.884.899	4.448.009.970	51,29%
<b>Cộng</b>	<b>1.061.924.931.808</b>	<b>986.950.111.918</b>	<b>74.974.819.890</b>	<b>7,06%</b>

6 tháng đầu năm 2016

Chi tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gia vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lai gộp
Xăng dầu	753.120.085.375	712.814.317.299	40.305.768.076	5,35%
Xe máy	60.597.549.980	52.776.245.319	7.821.304.661	12,91%
Hàng hóa điện máy	94.596.468.637	82.482.755.206	12.113.713.431	12,81%
Sắt thép và bách hóa	10.684.012.439	9.658.166.632	1.025.845.807	9,60%
Gas	215.625.048	211.489.738	4.135.310	1,92%
Dịch vụ tiệc cưới	1.353.481.827	586.298.040	767.183.787	56,68%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	4.279.797.691	578.312.346	3.701.485.345	86,49%
<b>Cộng</b>	<b>924.847.020.997</b>	<b>859.107.584.580</b>	<b>65.739.436.417</b>	<b>7,11%</b>

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

812  
G T  
V V  
V V  
H H  
M M  
H H

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.

Người lập biên

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH



Giám đốc

HOÀNG BÌNH SON

CHẾ ĐỘ TUV 5-C

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**  
 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	124.000.000.000	27.458.121.096	16.254.156.278	19.536.767.857	481.982.171	187.731.027.402
<b>2. Tăng trong năm trước</b>	-	-	3.660.071.993	22.443.883.372	39.137.727	26.143.093.092
- Lãi trong năm	-	-	-	22.351.193.931	39.137.727	22.390.331.658
- Bổ sung từ lợi nhuận công ty con	-	-	3.660.071.993	-	-	3.660.071.993
- Tắt toán khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	92.689.441	-	92.689.441
<b>3. Giảm trong năm trước</b>	-	-	(93.586.849)	(25.416.884.666)	-	(25.510.471.515)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.660.071.993)	-	(3.660.071.993)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.498.003.661)	-	(3.498.003.661)
- Chia cổ tức của 2014	-	-	-	(6.200.000.000)	-	(6.200.000.000)
- Chia cổ tức của 2015	-	-	-	(11.160.000.000)	-	(11.160.000.000)
- Trả lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
- Giảm lợi thế thương mại am đã phân bổ	-	-	-	(584.472.000)	-	(584.472.000)
- Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(39.137.727)	-	(39.137.727)
- Tắt toán vốn khi thanh lý khoản đầu tư	-	-	(93.586.849)	-	-	(93.586.849)
- Giảm khác	-	-	-	(25.199.285)	-	(25.199.285)
<b>4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	124.000.000.000	27.458.121.096	19.820.641.422	16.563.766.563	521.119.898	188.363.648.979
<b>5. Tăng trong kỳ này</b>	-	-	4.239.290.679	10.122.972.143	12.011.895	14.374.274.717
- Lãi trong kỳ	-	-	-	10.120.168.472	12.011.895	10.132.180.367
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.239.290.679	-	-	4.239.290.679

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

- Tăng khác	-	-	-	-	2.803.671	-	2.803.671
<b>6. Giảm trong kỳ này</b>	-	-	-	-	<b>(15.320.415.431)</b>	<b>(21.119.898)</b>	<b>(15.341.535.329)</b>
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(4.239.290.679)	-	(4.239.290.679)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.619.112.857)	(2.747.434)	(4.621.860.291)
- Thương HDQT và BKS	-	-	-	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
- Chia cổ tức 2016	-	-	-	-	(2.480.000.000)	-	(2.480.000.000)
- Chia cổ tức 2017	-	-	-	-	(3.720.000.000)	-	(3.720.000.000)
- Phân chia lợi nhuận 2012-2016 của cổ đồng không kiểm soát (Thành Thành Đạt)	-	-	-	-	-	(15.568.793)	(15.568.793)
- Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(12.011.895)	-	(12.011.895)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.803.671)	(2.803.671)
<b>7. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>27.458.121.096</b>	<b>24.059.932.101</b>	<b>11.366.323.275</b>	<b>512.011.895</b>	<b>187.396.388.367</b>	

Người lập biểu



**Nguyễn Chí Thành**  
Kế toán trưởng

Kế toán trưởng



**VIÊN THIÊN KHANH**  
Giám đốc

Hà Nội Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.



**HOÀNG ĐÌNH SƠN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

